

Bản án số: **39/2021/HS-ST**
Ngày 17 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Hoàng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Vũ Cảnh P (tên gọi khác: Không) sinh ngày 12/9/1977 tại Tuyên Quang;

Nơi cư trú và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Đảng viên, Bí thư chi bộ Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, thuộc Đảng bộ xã TT, huyện S (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 19-QĐ/UBKTHU ngày 23/02/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy S); con ông Vũ Văn T và bà Lê Thị Đ; có vợ Phạm Thị Mỹ H (đã ly hôn) và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

**Bị hại:*

1. Chị **Trần Thu Q**, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị **Quan Thị T2**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

4. Chị **Nguyễn Thị P2**, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn 10, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

5. Anh **Phạm Tiến T3**, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt);

6. Anh **Hà Hữu D**, sinh năm 1973 (có mặt);

Đều trú tại: Tổ dân phố X, Thị trấn TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

7. Ông **Phùng Thanh B**, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

8. Chị **Trương Thị T4**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

9. Anh **Lâm Quang B2**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

10. Anh **Lương Duy T5**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn TH, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

11. Chị **Nguyễn Thị Ngọc L2**, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tập thể Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

12. Anh **Ma Công L3**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Th, xã Tân T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

13. Chị **Lê Thị Hoa M**, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐT, Thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

14. Chị **Nguyễn Hồng T6**, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã Tú T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

15. Chị **Triệu Thị Minh Tr**, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố T, Thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

16. Anh **Ngô Kiều C**, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt);

17. Chị **Nguyễn Thị T7**, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

18. Anh **Hà Văn T8**, sinh năm 1982 (có mặt);

Đều trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

19. Chị **Hoàng Thị Thanh H2**, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

20. Chị **Bùi Thị T9**, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

** Đại diện hợp pháp cho các bị hại (là các học sinh có sổ tiền Bảo hiểm thân thể bị chiếm đoạt) các Hội trưởng cha mẹ học sinh được ủy quyền:*

1. Anh **Phùng Văn Q**, sinh năm 1982 (có mặt);

2. Anh **Phùng Văn H3**, sinh năm 1977 (có mặt);

3. Anh **Phùng Thanh S**, sinh năm 1980 (có mặt);

Đều trú tại: Thôn L, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

** Đại diện trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Đại H4**, sinh năm 1970, chức vụ Phó hiệu trưởng nhà trường (có mặt);*

Địa chỉ: Thôn VS, xã TK, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị Đ2**, sinh năm 1949 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị **Nguyễn Thị Thanh M**, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

** Người làm chứng:*

1. Anh **Lương Quốc T10**, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Chị **Lê Thị Thu H5**, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Đều trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị **Trần Thị L4**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố TK, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh **Phạm Khánh D2**, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

5. Chị **Hoàng Thị Ch**, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

6. Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

7. Anh **Phạm Quang H6**, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố CQ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015 đến 2020, **Vũ Cảnh P** (trú tại tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang), là Hiệu trưởng Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TP, xã TP, huyện S (nay là Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT), đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền bảo hiểm thân thể của học sinh và giáo viên trong Trường; kê tăng giá tiền và kê không một số loại hàng hóa để chiếm đoạt tiền quỹ xã hội hóa giáo dục do phụ huynh học sinh đóng góp, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm thân thể của học sinh và giáo viên; chiếm đoạt tiền bồi thường bảo hiểm của học sinh

1.1. Hành vi chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm thân thể của học sinh, giáo viên.

Khoảng tháng 9/2017, P trao đổi với ông Lương Quốc T10 (trú tại tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S), là Trưởng phòng Bảo hiểm Bảo Việt huyện S, thuộc Công ty Bảo Việt Tuyên Quang về việc mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho học sinh, với mức 50.000đ/học sinh/năm học, nếu học sinh nào mua bảo hiểm từ 02 năm học trở lên thì mức giá giảm còn 40.000đ/học sinh/năm học; đối với giáo viên, mức mua bảo hiểm thân thể là 110.000đ/giáo viên/năm học. Ngoài ra, P trao đổi với Công ty Bảo hiểm Bưu điện PTI về việc mua bảo hiểm thân thể cho giáo viên trong Trường, với mức 97.000đ/người/năm.

- Năm học 2017-2018: P vận động được 34 học sinh, 21 giáo viên trong Trường tham gia mua bảo hiểm thân thể và lập danh sách gửi trước cho các Công ty bảo hiểm. Sau đó P thông báo cho các giáo viên chủ nhiệm lớp thu tiền của học sinh đăng ký tham gia mua bảo hiểm, đối với những học sinh đăng ký mua bảo hiểm từ 02 năm học trở lên thì thu đúng mức quy định của Công ty Bảo Việt Tuyên Quang, còn những học sinh đăng ký mua bảo hiểm trong 01 năm học thì P tự nâng mức thu lên 60.000đ (cao hơn 10.000đ so với quy định của Công ty). Sau khi thu tiền của học sinh, các giáo viên chủ nhiệm nộp cho bà Nguyễn Thị Thanh M (trú tại tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S), là giáo viên kiêm thủ quỹ của Trường và P lấy tiền từ chỗ bà M mang đi nộp cho các Công ty bảo hiểm.

Trong số 34 học sinh tham gia mua bảo hiểm, có 02 em mua gói 05 năm học, 04 em mua gói 04 năm học, 01 em mua gói 03 năm học (P thu và nộp tiền đúng quy định của Công ty bảo hiểm); còn lại 27 em đăng ký mua bảo hiểm trong 01 năm học, P chỉ đạo thu của mỗi em 60.000đ, được tổng số tiền là 1.620.000đ và P đã nhận toàn bộ số tiền này từ bà M, sau đó P nộp cho Công ty bảo hiểm số tiền theo quy định là 1.350.000đ, còn lại 270.000đ P chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết. Đối với 21 giáo viên đã đăng ký tham gia mua bảo hiểm thân thể trong năm học ở cả hai Công ty bảo hiểm, với tổng mức tiền là 207.000đ/giáo viên (Công ty Bảo Việt Tuyên Quang là 110.000đ, Công ty Bảo hiểm Bru điện là 97.000đ), nhưng P đã chỉ đạo bà M thu của mỗi giáo viên là 217.000đ bằng cách trừ trực tiếp vào tiền lương (thu cao hơn 10.000đ); tổng số tiền thu của 21 giáo viên là 4.557.000đ, bà M đưa hết số tiền này cho P, sau đó P mang nộp cho hai Công ty bảo hiểm 4.347.000đ, còn lại 210.000đ P chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

- Năm học 2018-2019: Có 184 học sinh đăng ký tham gia mua bảo hiểm thân thể trong năm học và P vẫn chỉ đạo thu của mỗi học sinh 60.000đ (thu cao hơn 10.000đ), tổng tổng số tiền thu được là 11.040.000đ và bà M đã giao hết cho P; sau đó P trực tiếp mang tiền nộp cho Công ty Bảo Việt Tuyên Quang 9.200.000đ, còn lại 1.840.000đ P chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Ngoài ra, P khai có 23 giáo viên trong Trường đăng ký tham gia mua bảo hiểm thân thể ở cả hai Công ty (Công ty Bảo Việt Tuyên Quang, Công ty Bảo hiểm Bru điện) và P đã ứng tiền của cá nhân ra nộp trước cho các Công ty bảo hiểm, sau đó quên chưa thu tiền của các giáo viên; quá trình điều tra, những giáo viên liên quan đều trình bày P có vận động giáo viên trong Trường tham gia mua bảo hiểm với mức từ 200.000đ đến 210.000đ, nhưng không có tài liệu chứng minh nên không đủ căn cứ xác định việc P chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm thân thể của các giáo viên trong năm học này.

- Năm học 2019-2020: Có 156 học sinh và 22 giáo viên trong Trường đăng ký mua bảo hiểm thân thể. Đối với học sinh, P tiếp tục chỉ đạo thu của mỗi em 60.000đ (thu cao hơn 10.000đ). Ngày 15/10/2019, P lập danh sách những học sinh và giáo viên tham gia mua bảo hiểm, gửi cho bà Trần Thị L4 (trú tại tổ dân phố TK, thị trấn S, huyện S), là nhân viên Bảo hiểm Bảo Việt huyện S. Đến tháng 12/2019, không thấy P nộp tiền theo danh sách đăng ký, bà L4 đã gọi điện nhưng không liên lạc được với P, vì thế bà L4 xác định Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TT2 không tham gia mua bảo hiểm thân thể trong năm học này. Quá trình điều tra, P khai việc chưa nộp tiền mua bảo hiểm là do chưa thu xong của học sinh, nhưng vì bà L4 yêu cầu phải nộp tiền kèm theo danh sách, nên P đã bảo với bà L4 là Nhà

trường không tham gia mua bảo hiểm thân thể trong năm học này; tuy nhiên, P không thông báo cho các giáo viên chủ nhiệm biết, nên các lớp vẫn tiếp tục thu tiền bảo hiểm của 156 học sinh đã đăng ký, được tổng số tiền là 9.360.000đ, nộp hết cho thủ quỹ và bà M xác định đã đưa cho P toàn bộ số tiền này. Còn đối với 22 giáo viên đăng ký mua bảo hiểm thân thể trong năm học, P khai do đã nói với bà L4 về việc không mua bảo hiểm trong năm học này, nên không thu tiền của các giáo viên; quá trình điều tra cũng không thu thập được thông tin, tài liệu phản ánh việc P thu tiền mua bảo hiểm thân thể của các giáo viên.

Đến tháng 4/2020, sau khi nghỉ giãn cách xã hội, học sinh đi học trở lại thì có 08 em đề nghị Nhà trường làm thủ tục thanh toán tiền bồi thường bảo hiểm thân thể do bị ốm. Vì trước đó không nộp tiền cho Công ty bảo hiểm, nên P đã tự bỏ tiền của cá nhân ra bồi thường tiền bảo hiểm cho 08 học sinh, với tổng số tiền là 970.000đ (em Âu Thị T11 lớp 6 nhận 210.000đ, em Nguyễn Thị H7 lớp 5A nhận 90.000đ, em Phạm Đức Kh lớp 9A nhận 210.000đ, em Nông Công B lớp 3A nhận 120.000đ, em Phùng Sa H8 lớp 6A nhận 50.000đ, em Đặng P U lớp 3A nhận 100.000đ, em Triệu Gia K lớp 2 nhận 100.000đ, em Nguyễn Thiện H9 lớp 2B nhận 90.000đ).

Đến khi kết thúc năm học, P không thông báo cho phụ huynh học sinh biết việc P không nộp tiền mua bảo hiểm thân thể của các học sinh cho Công ty bảo hiểm và cũng không trả lại tiền cho học sinh, chỉ sau khi bị tố giác P mới làm văn bản đề nghị Công ty Bảo Việt Tuyên Quang truy thu số tiền mà các học sinh mua bảo hiểm thân thể trong năm học, nhưng Công ty trả lời do đã kết thúc năm học nên không truy thu; sau đó P chuyển số tiền 9.360.000đ cho các giáo viên chủ nhiệm để trả lại cho học sinh. Quá trình điều tra xác định P đã chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm thân thể năm học 2019-2020 của 148 học sinh (trừ 08 em đã được P trả tiền bồi thường bảo hiểm), với tổng số tiền là 8.390.000đ (trong đó chiếm đoạt của em Phùng Sa H8 10.000đ, vì trước đó P đã trả cho em H8 50.000đ bồi thường tiền bảo hiểm).

Như vậy, thông qua việc vận động giáo viên, học sinh trong Trường tham gia mua bảo hiểm thân thể từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020 và tự ý nâng mức tiền mua bảo hiểm, P đã chiếm đoạt của các giáo viên, học sinh trong Trường tham gia mua bảo hiểm tổng số tiền là **10.710.000** đồng.

1.2. Hành vi chiếm đoạt tiền bồi thường bảo hiểm của học sinh.

Trong năm học 2017-2018, em Đàm Thị Kim O là học sinh Lớp 4A của Trường (có tham gia mua bảo hiểm thân thể) phải mổ cắt ruột thừa. Sau khi làm thủ tục đề nghị, em O được Công ty Bảo Việt Tuyên Quang bồi thường tiền bảo hiểm là 968.000 đồng. P đã trực tiếp đến Công ty bảo hiểm nhận số tiền trên, sau đó P lập giả phiếu thanh toán, ký giả chữ ký của bà L4 (nhân viên của Công ty Bảo hiểm), rồi tự viết phiếu chi và thanh toán cho em O số tiền là 350.000 đồng, còn lại **618.000** đồng P chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

2. Hành vi chiếm đoạt tiền xã hội hóa giáo dục:

Hàng năm, Ban Giám hiệu Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TT2 phối hợp với Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh của Trường thống nhất kế hoạch huy động nguồn lực xã hội hóa giáo dục (chủ yếu là do phụ huynh học sinh đóng góp) và lập dự toán, trình UBND xã TT, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện S phê

duyet. Trên cơ sở đó, Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh đã nhờ P chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm lớp thu hộ tiền đóng góp của phụ huynh học sinh, sau đó giao cho bà M, giáo viên kiêm thủ quỹ của Trường giữ hộ và chi theo kế hoạch (vì vậy bà M không lập phiếu thu chi, không quản lý quỹ tiền xã hội hóa giáo dục theo hệ thống kế toán, mà chỉ ghi chép việc thu chi vào sổ cá nhân để theo dõi). Kết quả, từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020, số tiền xã hội hóa giáo dục đã thu và chi thể hiện như sau (riêng năm học 2015-2016, do bà M làm mất sổ ghi chép nên không xác định được cụ thể số tiền thu chi):

- Tổng số tiền đã thu là 954.120.000đ (năm học 2016 - 2017 thu 211.009.000đ, năm học 2017 - 2018 thu 206.500.000đ, năm học 2018 - 2019 thu 329.507.000đ, năm học 2019 - 2020 thu 207.109.000đ).

- Tổng số tiền đã chi là 830.849.500đ (năm học 2016 - 2017 chi 210.779.000đ, năm học 2017 - 2018 chi 197.095.000đ, năm học 2018 - 2019 chi 228.507.000đ, năm học 2019 - 2020 chi 194.468.000đ).

- Số tiền xã hội hóa giáo dục còn tồn trên sổ sách theo dõi của bà M là 123.270.500đ.

Trong tổng số tiền đã chi là 830.849.500đ, bà M trực tiếp chi 156.536.500đ (chi tiền công cho bảo vệ, thăm hỏi học sinh ốm đau, khám bệnh cho học sinh, sửa chữa bàn ghế, mua sách vở, khen thưởng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, mua đồng phục, phô tô tài liệu cho học sinh, khai giảng, Tết trung thu...), còn lại số tiền 674.313.000đ P trực tiếp yêu cầu bà M đưa cho P để đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, chỉnh trang khuôn viên Nhà trường và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho học sinh (năm học 2016 - 2017 lấy 168.500.000đ, năm học 2017 - 2018 lấy 173.225.000đ, năm học 2018 - 2019 lấy 188.000.000đ, năm học 2019 - 2020 lấy 144.588.000đ). Việc sử dụng số tiền trên do P tự thực hiện, không thông báo cho Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh của Trường và bà M biết, trong quá trình thực hiện P đã tự kê tăng giá tiền và kê khống một số loại hàng hóa để chiếm đoạt tiền của quỹ xã hội hóa giáo dục, cụ thể:

- *Mua chậu trồng cây cảnh trong năm học 2015 - 2016:* Năm 2015, P đặt mua cho Nhà trường 02 chiếc chậu trồng cây cảnh bằng xi măng của ông Phạm Quang H6, trú tại tổ dân phố CQ, thị trấn S, huyện S (chậu hình vuông, đường kính 1,26m, cao 1m), với giá 3.200.000đ/01 chiếc; 08 chiếc chậu trồng cây cảnh bằng xi măng loại nhỏ (chậu hình lục giác, đường kính 0,45m, cao 0,50 m), với giá 400.000đ/01 chiếc và 02 bộ bàn ghế bằng xi măng sơn giả gỗ (mỗi bộ có 01 chiếc bàn, 02 chiếc ghế), với giá 1.500.000đ/01 bộ và 06 chiếc ghế bằng xi măng sơn giả gỗ, với giá 500.000đ/01 chiếc, tổng cộng là 15.600.000đ. P lập hợp đồng mua bán, trong đó tự kê tăng giá tiền 2.000.000 đồng (02 chiếc chậu loại to từ 3.200.000đ/01 chiếc lên 4.000.000đ/01 chiếc, 08 chiếc chậu loại nhỏ tăng từ 400.000đ/01 chiếc lên 450.000đ/01 chiếc) và đưa cho ông H6 ký, do không để ý giá tiền thanh toán nên ông H6 không biết việc P kê tăng giá như trên. Tổng số tiền theo hợp đồng mua bán là 17.600.000đ, P đã lấy số tiền này từ quỹ xã hội hóa giáo dục và thanh toán cho ông H6 số tiền thực tế là 15.600.000đ, còn lại 2.000.000đ P chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

- *Mua gạch men lát nền 02 phòng học tại điểm trường CK trong năm học 2018 - 2019:* Trong năm 2018, P tự đi mua xi măng, cát xây dựng của ông Đinh Văn Th, trú tại thôn T, xã TT, huyện S và mua 140m² gạch men loại 40x40, với giá 60.000đ/m² của bà Hoàng Thị Ch chủ Cửa hàng Tuyên T ở thôn Cây T, xã P, huyện S, với số tiền là 8.400.000đ. Sau khi thỏa thuận, P đề nghị bà Ch viết phiếu kê mua hàng 145m² x 95.000đ/m² (tăng 5m² gạch men và tăng giá tiền 35.000đ/m² gạch men), tương ứng với số tiền là 13.775.000đ. P đã lấy tiền từ quỹ xã hội hóa giáo dục trả cho bà Ch số tiền thực tế là 8.400.000đ, còn lại 5.375.000đ tiền chênh lệch P đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

- *Chỉnh trang khuôn viên Nhà trường trong năm học 2018 - 2019:* Cuối năm 2018, để phục vụ xây dựng Trường đạt chuẩn quốc gia, P đã sử dụng tiền xã hội hóa giáo dục thuê ông anh Phạm Khánh D2, chủ Cửa hàng quảng cáo ở tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S làm, sửa chữa và lắp đặt các biển khẩu hiệu cho một số phòng học, phòng chức năng và khu vực sân trường, với tổng số tiền là 84.460.000đ. P đề nghị ông D2 viết phiếu mua hàng và kê tăng giá tiền mua mới, sửa chữa một số tấm biển khẩu hiệu thêm 7.200.000đ, thành tổng số tiền là 91.660.000đ (01 tấm biển *Đảng Cộng sản Việt Nam Quang Vinh muôn năm*, từ 500.000đ lên 800.000đ; 02 tấm biển *Suốt đời phấn đấu hy sinh cho chủ nghĩa Cộng sản* và *Sống chiến đấu lao động và học tập theo gương chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại*, từ 150.000đ lên 400.000đ/01 tấm; sửa chữa 11 tấm biển treo ở khu vực sân trường, kê tăng giá từ 800.000đ lên 1.200.000đ/01 tấm, trong đó kê không toàn bộ cột treo biển; kê không việc mua mới 01 tấm biển, bao gồm cả cột treo biển là 1.200.000đ). Sau khi thanh toán, P đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền chênh lệch 7.200.000đ và chi tiêu cá nhân hết (đối với số tiền theo hợp đồng là 84.460.000đ, đến nay P mới trả cho ông D2 51.460.000đ, còn 33.000.000đ chưa trả).

- *Sửa chữa đường dây điện ba pha và thay quạt, bóng điện, lắp mạng Internet phòng Tin học của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019:* Khoảng tháng 10/2018, do đường dây điện ba pha của Nhà trường bị cháy, P đã thuê ông Vũ Quang Đ3 (trú tại tổ dân phố Đăng C, thị trấn S, huyện S), là Đội trưởng Đội quản lý vận hành của Công ty Điện lực S sửa chữa. Ông Đ3 đã mua 251m dây cáp, 03 cái kẹp siết cáp vặn xoắn và 05 cuộn băng dính cách điện, với số tiền là 4.672.500đ và thi công sửa chữa trong thời gian 01 ngày, tiền công là 880.000đ. Sau khi làm xong, P chỉ mới thanh toán cho ông Đ3 4.672.500đ tiền mua vật tư.

Cùng thời gian này, P chỉ đạo các giáo viên Lâm Quang B2, Lương Duy T5 và Ma Công L3 lắp quạt, bóng điện và mạng Internet cho Phòng Tin học của Nhà trường. Sau đó, P sử dụng tiền xã hội hóa giáo dục và tự đi mua vật tư, thiết bị tại Cửa hàng điện máy của bà Nguyễn Thị V ở tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S tổng cộng hết 21.583.000đ. Khi thanh toán tiền, P yêu cầu bà V kê thêm tiền công kéo và thu hồi dây điện ba pha của T5 là 3.500.000 đồng (P nói với bà V là đề hợp thức hoá chứng từ). Số tiền kê khai thêm, P sử dụng trả tiền công sửa chữa đường điện ba pha cho ông Đ3 880.000đ, còn lại 2.620.000 đồng P chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020 thông qua việc tự ý sử dụng nguồn vốn xã hội hóa giáo dục để đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, chỉnh

trang khuôn viên Nhà trường và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho học sinh, P đã chiếm đoạt tổng số tiền là **17.195.000** đồng và chi tiêu cá nhân hết.

*** Kết luận giám định:**

Tại các Kết luận giám định số 923 ngày 09/12/2020; số 121 ngày 21/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết ghi tên Vũ Cảnh P dưới mục người nhận tiền trên mẫu cần giám định và chữ viết, chữ ký ghi tên Vũ Cảnh P trên mẫu so sánh trừ chữ ký dưới mục Xác nhận của Công ty là do cùng một người viết.

- Chữ ký đứng tên Trần Thị L4 dưới mục “Người nhận tiền” trên phiếu thanh toán tiền bảo hiểm đề ngày 10/4/2018 với chữ ký đứng tên Trần Thị L4 tại biên bản làm việc ghi ngày 28/10/2020 không phải do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Vũ Cảnh P dưới mục “Người nhận tiền” trên phiếu thanh toán tiền bảo hiểm đề ngày 10/4/2018 với chữ ký đứng tên Vũ Cảnh P tại biên bản ghi lời khai, bản tự khai cùng ngày 04/11/2020 do cùng một người ký.

- Chữ ký “O” ở cột ghi chú (ký nhận) trên phiếu thanh toán tiền bảo hiểm đề ngày 10/4/2018 với chữ ký đứng tên Đàm Thị Kim O tại biên bản ghi lời khai ngày 16/12/2020 không phải do cùng một người ký.

- Chữ ký “Tr2” ở cột ghi chú (ký nhận) trên phiếu thanh toán tiền bảo hiểm đề ngày 10/4/2018 với chữ ký đứng tên Bàn Thị Quỳnh Tr2 tại biên bản ghi lời khai ngày 16/12/2020 không phải do cùng một người ký.

*** Thu giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu:**

- 01 Laptop nhãn hiệu ASUS, vỏ màu đen, máy cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 dây sạc máy tính; 01 thiết bị USB thu phát tín hiệu Wifi TP-LINK; 01 Case máy tính màu đen, đã qua sử dụng, kèm theo 01 ổ cứng nhãn hiệu TOSHIBA DEC-2016.

- 01 Điện thoại di động OPPO màu vàng đồng, đã qua sử dụng.

- 01 quyển sổ tay bìa da màu đen, góc trên bên phải bìa trước có in dòng chữ màu vàng “Crganon A4”; có tổng số 112 tờ không kể bìa; tại mặt sau tờ số 07, hai mặt tờ số 08, 09, mặt trước tờ 10, hai mặt tờ 11, 12, 13, 14, mặt trước tờ 15, mặt sau tờ 110, hai mặt tờ 111, mặt trước tờ 112 có viết nhiều chữ viết và số bằng mực màu xanh.

- 01 quyển sổ tay bìa bọc da màu nâu đen, tổng số có 194 tờ, không kể bìa; bên trong có 54 tờ đã được sử dụng viết chữ và số. Cơ quan điều tra đã đánh số thứ tự từ 01 đến số 54. Các trang còn lại chưa sử dụng.

- 01 quyển sổ tay bìa da màu đen, góc trên bên phải bìa trước có in dòng chữ màu vàng “Crganon A4”, ở giữa, bìa ngoài, trước sổ có dán giấy in chữ “Trường TH&THCS TP - Biên bản họp BD DCMHS và họp PHHS”; tổng số có 112 tờ, không kể bìa; bên trong đánh số thứ tự từ tờ số 01 đến 18; trong đó từ tờ đánh số 03 đến tờ đánh số 17 đã được viết các Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh, họp phụ huynh các năm học từ 2016 đến 2020. Các trang còn lại chưa sử dụng.

- 01 quyển vở học sinh có 40 tờ (tính cả bìa); bìa ngoài phía trước có hình ảnh Cây Đa Tân Trào và có in “Phòng GD&ĐT huyện S”; “Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TP”; nhãn vở có ghi chữ “Thu- chi; 2017 - 2018”.

- 01 quyển vở học sinh có 38 tờ (tính cả bìa); bìa ngoài phía trước có hình ảnh Cây Đa Tân Trào và có in “Phòng GD&ĐT huyện S ”; “Trường Tiểu học&Trung học cơ sở TP”; nhãn vở có ghi “Thu- nộp XHH; 2018 - 2019”.

- 01 quyển vở học sinh có 38 tờ (tính cả bìa); bìa ngoài phía trước có hình ảnh khuôn viên một Trường học và có in “Phòng GD&ĐT huyện S”; “Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TP”; nhãn vở có ghi chữ “Sổ Thu- chi XHH; 2019 - 2020”.

- 01 quyển sổ có bìa ngoài màu xanh, ngoài bìa ghi “Thu nộp của học sinh năm học 2016 - 2017” gồm 24 trang có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 24, trên mỗi trang có chữ, số đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Thanh M.

- 01 quyển sổ có bìa ngoài màu xanh, ngoài bìa có ghi “Sổ chi XHH 2016 - 2017” gồm 09 trang có chữ và số được đánh số thứ tự từ 02 đến 09, phía trên đầu mỗi trang đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Thanh M.

- 01 quyển sổ bìa đen ngoài có dán giấy có nội dung đánh máy “TRƯỜNG TH & THCS TP SỔ BIÊN BẢN HỌP PHỤ HUYNH HỌC SINH NĂM 2016-2017”, kiểm tra quyển sổ có 13 tờ có chữ và số được đánh số từ 1-13.

- 01 quyển sổ bìa đen, kiểm tra quyển sổ có 126 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 1 đến 126.

- 01 quyển phiếu thu theo mẫu số C30-BB (Ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) có 18 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 18, có chữ ký của Vũ Cảnh P từng trang.

- 01 quyển phiếu chi theo mẫu số 02-VT, bên trong là phiếu chi theo mẫu số C31-BB ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính gồm có 26 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 26, có chữ ký của P mỗi trang.

- 01 quyển phiếu chi, bên trong là phiếu chi theo mẫu số C30-BB ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính gồm có 06 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 06, có chữ ký của P mỗi trang.

- 01 quyển sổ bìa màu đỏ, bên ngoài có chữ Sổ nghị quyết, có 30 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 30, có chữ ký của P mỗi trang.

- 01 quyển sổ bìa màu đen, có 99 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 99 có chữ ký của P ở trang ngoài cùng.

- 01 quyển sổ bên ngoài có ghi chữ “TH7THCS TP SỔ THU CHI (HPHHS)” có 03 trang có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 03, có chữ ký của P ở từng trang.

- 01 quyển sổ bìa màu xanh lá mạ có viết chữ “Sổ thu - Chi từ NSNN” trong có 19 tờ viết chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 19, trên các trang có chữ ký của Nguyễn Thị Thanh M.

- 01 quyển sổ không có bìa, có 82 tờ đã được ghi chép chữ và số, được đánh số từ 01 đến 82, trên mỗi trang có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Thanh M.

- 01 quyển sổ bìa màu xanh lá mạ có nhiều hình, chữ viết 320tr khổ A4, bên trong có 51 trang đã viết chữ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 51.

- 02 USB nhãn hiệu ScanDisk trong đó có 01 chiếc có dung lượng 32GB và 01 chiếc có dung lượng 64GB (trong các file dữ liệu điện tử thu được khi giám định máy tính, laptop, điện thoại thu giữ của P).

Cáo trạng số 41/CT-VKS-P1 ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Vũ Cảnh P về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên bổ sung Cáo trạng đề nghị truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung Cáo trạng và nội dung bổ sung truy tố đối với bị cáo Vũ Cảnh P và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Cảnh P phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”

- Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Cảnh P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18 tháng 02 năm 2021. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 02 đến 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo P đã khắc phục hoàn trả lại số tiền bảo hiểm thân thể chiếm đoạt của học sinh trong 3 năm học từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020 và tiền xã hội hóa giáo dục. Trong đó: Năm học 2017-2018 là 888.000đ (gồm 270.000đ của 27 học sinh và 618.000đ tiền bồi thường bảo hiểm thân thể của 01 học sinh); Năm học 2018-2019 là 1.840.000đ của 184 học sinh; Năm học 2019-2020 là 8.390.000đ của 148 học sinh; tiền xã hội hóa giáo dục 17.195.000đ. Phụ huynh các học sinh nêu trên đã được nhận tiền do P trả lại và không có yêu cầu đề nghị gì; số tiền xã hội hóa giáo dục bị cáo chiếm đoạt, gia đình bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang 17.195.000đ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho quỹ xã hội hóa giáo dục Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT 2 để phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh quản lý, sử dụng đúng mục đích. Đối với số tiền bảo hiểm thân thể năm học 2017-2018 của 21 giáo viên là 210.000đ, tại phiên tòa các giáo viên nêu trên không có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nên không đề nghị xem xét.

- Yêu cầu Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2 có trách nhiệm hoàn trả lại quỹ xã hội hóa giáo dục của trường TT 2 số tiền 67.735.500 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử lưu theo hồ sơ vụ án 02 chiếc USB, 01 đĩa ghi hình khi hỏi cung đối với bị cáo. Số vật chứng còn lại trả lại cho bị cáo và Nhà trường.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và đã khắc phục xong số tiền xã hội hóa giáo dục chiếm đoạt là 17.195.000đ.

Tại phiên tòa: Những người đại diện hợp pháp cho bị hại (là các cháu học sinh các năm học từ năm 2017 đến năm 2020) gồm các ông: Phùng Văn Q, Phùng Văn H3, Phùng Thanh S đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự. Về hành vi phạm tội của bị cáo các ông đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người bị hại là các giáo viên có mặt, các giáo viên có đơn xin vắng mặt đều không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền Bảo hiểm thân thể thu vượt (10.000đ/giáo viên) trong năm học 2017-2018. Về hành vi của bị cáo các giáo viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo ở mức thấp nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Đ2 trình bày, đối với số tiền 17.195.000đ bà đã khắc phục hậu quả nộp thay cho bị cáo tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 01/9/2021 bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Đại H4, chức vụ Phó hiệu trưởng - Người đại diện theo pháp luật của Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2 trình bày: Việc bị cáo có hành vi phạm tội xuất phát từ việc muốn nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí để được công nhận đạt trường chuẩn Quốc gia. Đối với số tiền bị cáo hợp đồng làm các biển hiệu hiện còn nợ lại của anh Phạm Khánh D2 33.000.000đ và số tiền bị cáo chi sai mục đích từ quỹ xã hội hóa giáo dục số tiền 67.735.500 đồng, nay Nhà trường phải có trách nhiệm hoàn trả, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì nguồn kinh phí Nhà nước cấp cho nhà trường rất hạn chế, nên nhà trường cũng chưa biết lấy nguồn từ đâu để hoàn trả.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Vũ Cảnh P nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm được trở về với gia đình và hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Cảnh P tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa không phát sinh thêm tình tiết mới. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Vũ Cảnh P (trú tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang), là Hiệu trưởng Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S) đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm thân thể của một số học sinh và giáo viên trong Trường; chiếm đoạt tiền bồi thường bảo hiểm của 01 học sinh; tự ý sử dụng tiền xã hội hóa giáo dục, trong đó kê tăng giá tiền và kê không một số loại hàng hóa để chiếm đoạt tiền, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm thân thể của học sinh và giáo viên trong Trường:

- Năm học 2017-2018, P tự ý nâng mức tiền mua bảo hiểm thân thể cao hơn quy định của Công ty bảo hiểm và chiếm đoạt số tiền là 480.000đ của 27 học sinh, 21 giáo viên trong Trường (chiếm đoạt của mỗi người 10.000đ).

- Năm học 2018-2019, Cùng với việc tự ý nâng mức tiền mua bảo hiểm thân thể như trên, P đã chiếm đoạt của 184 học sinh trong Trường, với số tiền là 1.840.000đ (chiếm đoạt của mỗi người 10.000đ).

- Năm học 2019-2020, P vận động, thu tiền mua bảo hiểm thân thể của học sinh trong Trường, sau đó P không nộp tiền cho Công ty bảo hiểm mà chiếm đoạt hết số tiền 8.390.000đ của 148 học sinh (chiếm đoạt của mỗi học sinh 60.000đ và của em Phùng Sa H8 lớp 6A là 10.000đ).

2. Hành vi chiếm đoạt tiền bồi thường bảo hiểm của học sinh:

Trong năm học 2017-2018, P đã lập giả phiếu thanh toán của Công ty Bảo Việt Tuyên Quang để chiếm đoạt 618.000đ tiền bồi thường bảo hiểm của em Đàm Thị Kim O, học sinh lớp 4A của Trường.

3. Hành vi chiếm đoạt tiền xã hội hóa giáo dục:

- Năm 2015, thông qua việc hợp đồng mua bán với ông Phạm Quang H6, trú tại Tổ dân phố CQ, thị trấn S, huyện S, P đã tự ý kê tăng giá tiền mua 02 chiếc chậu trồng cây cảnh bằng xi măng loại to từ 3.200.000đ lên 4.000.000đ/01 chiếc và 08 chiếc chậu trồng cây cảnh bằng xi măng loại nhỏ từ 400.000đ lên 450.000đ/01 chiếc, để chiếm đoạt 2.000.000đ.

- Trong năm 2018, P hợp đồng với bà Hoàng Thị Ch, chủ Cửa hàng Tuyên Trình ở thôn C, xã P, huyện S mua 140m² gạch men loại 40x40, để lát nền 02 phòng học tại điểm trường CK. P đã đề nghị bà Ch kê tăng 5m² và tăng giá tiền mua gạch men từ 60.000đ lên 95.000đ/m², để chiếm đoạt 5.375.000đ tiền chênh lệch.

- Cuối năm 2018, P hợp đồng với ông Phạm Khánh D2, chủ Cửa hàng quảng cáo ở tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S làm, lắp đặt các biển khẩu hiệu cho Nhà trường, với số tiền là 84.460.000đ. Khi làm thủ tục thanh toán, P đề nghị ông D2 kê tăng giá 14 tấm biển, kê không làm mới 01 tấm và 12 cột treo biển, tổng số tiền kê tăng hơn thực tế là 7.200.000đ, P đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

- Khoảng tháng 10/2018, P tự đi mua vật tư, thiết bị điện và mạng Internet tại Cửa hàng điện máy của bà Nguyễn Thị V ở tổ dân phố QT, thị trấn S, huyện S để lắp đặt cho Phòng Tin học của Trường, tổng cộng hết 21.583.000đ. Khi thanh toán, P đề nghị bà V kê thêm 3.500.000đ tiền công kéo và thu hồi dây điện ba pha (do trước đó đường điện ba pha của Trường bị hỏng phải sửa chữa), nhưng thực tế P chỉ trả tiền công sửa chữa đường điện ba pha hết 880.000đ, còn lại 2.620.000đ P chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, Vũ Cảnh P đã chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm thân thể, tiền bồi thường bảo hiểm thân thể của học sinh, giáo viên trong Trường và tiền xã hội hóa giáo dục do phụ huynh học sinh đóng góp, với tổng số tiền là **28.523.000** đồng (tiền mua bảo hiểm thân thể của học sinh, giáo viên là 10.710.000đ; tiền bồi thường bảo hiểm của 01 học sinh là 618.000đ; tiền xã hội hóa giáo dục là 17.195.000đ).

[2] Về việc tại phiên tòa, kiểm sát viên bổ sung Cáo trạng đề nghị truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có hành vi chiếm đoạt hai khoản tiền: Tiền Bảo hiểm thân thể của học sinh, giáo viên, tiền bồi thường bảo hiểm thân thể của học sinh với số tiền 10.710.000đ, và tiền xã hội hóa giáo dục với số tiền 17.195.000đ, các lần bị cáo chiếm đoạt đều trên định lượng cấu thành cơ bản quy định tại điều luật, do vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xét xử ở khoản 2 với tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về việc Tòa án đã thông báo trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đề

ngợi bổ sung quyết định truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Nhà trường nơi bị cáo công tác, gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh người giáo viên và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của ngành Giáo dục. Trực tiếp gây thiệt hại đến quyền lợi về tài sản cho học sinh và giáo viên trong Nhà trường nơi bị cáo công tác. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm, đặc biệt bị cáo là người đứng đầu nhưng thiếu gương mẫu, phạm tội với lỗi cố ý. Chỉ vì lợi ích của bản thân, bị cáo đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình, tự ý quyết định chi tiêu không công khai bàn bạc với Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường biết (đối với khoản tiền xã hội hóa) mà tự ý quyết định việc mua sắm, sửa chữa...đồng thời kê tăng giá một số tài sản không đúng giá trị thực tế nhằm chiếm đoạt tài sản. Tuy tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, nhưng hành vi đó đã gây bức xúc trong nhân dân, gây bất bình cho cha mẹ học sinh, làm mất lòng tin đối với đồng nghiệp, đối với Đảng và Nhà nước.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo để làm gương cho kẻ khác đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường và tác động tới gia đình (mẹ đẻ) để khắc phục hậu quả; quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, được tặng nhiều danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở các năm học từ năm 2015-2016 đến năm 2018-2019; được Chủ tịch UBND huyện S tặng danh hiệu lao động tiên tiến; Ban chấp hành Đảng bộ xã TP, huyện S tặng nhiều giấy khen; bị cáo có bố đẻ là ông Vũ Văn T và mẹ đẻ là bà Lê Thị Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương Kháng chiến; Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục; tại phiên tòa nhiều bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét, nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình công tác bị cáo có nhiều công lao đóng góp cho ngành giáo dục tỉnh nhà, Trường nơi bị cáo công tác thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học sinh chủ yếu là người dân tộc thiểu số nhưng bị cáo đã vận động giáo viên, cha mẹ học sinh và các tổ chức đóng góp để xây dựng cơ sở vật chất, chỉnh trang khuôn viên trường học đến năm 2018 được UBND tỉnh Tuyên Quang công nhận đạt trường chuẩn Quốc gia. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đảm bảo sự nghiêm minh.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục hoàn trả lại số tiền bảo hiểm thân thể chiếm đoạt của học sinh trong 3 năm học từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020. Trong đó: Năm học 2017-2018 là 888.000đ (gồm 270.000đ của 27 học sinh và 618.000đ tiền bồi thường bảo hiểm thân thể của 01 học sinh); Năm học 2018-2019 là 1.840.000đ của 184 học sinh; Năm học 2019-2020 là 8.890.000 đồng của 148 học sinh và 10.000đ của em Phùng Sa Huỳnh học sinh lớp 6A. Các phụ huynh học sinh đã được nhận được tiền do bị cáo trả lại và không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét;

Đối với số tiền bảo hiểm thân thể năm học 2017-2018 của 21 giáo viên là 210.000đ, tại phiên tòa những giáo viên trong trường đều không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền xã hội hóa giáo dục bị cáo đã chiếm đoạt: Bị cáo đã tác động tới mẹ đẻ (bà Lê Thị Đ) nộp để khắc phục thay cho bị cáo số tiền 17.195.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Xét thấy cần trả lại cho quỹ xã hội hóa giáo dục của Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2 để phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT 2 tiếp tục quản lý, sử dụng đúng mục đích.

[7] Về vật chứng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu liên quan gồm: Máy tính laptop, điện thoại, cây máy tính, các loại sổ sách ghi chép. Xét, số vật chứng trên không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo và Nhà trường. Riêng 02 chiếc USB cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với số tiền bị cáo thuê anh Phạm Khánh D2 làm các biển hiệu trang trí phục vụ xây dựng Trường đạt chuẩn Quốc gia trong năm học 2018-2019, hiện còn nợ lại anh D2 33.000.000đ. Xét thấy đây là giao dịch dân sự, anh D2 có quyền yêu cầu Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2 phải trả hoặc có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[11] Đối với 22 giáo viên đăng ký mua bảo hiểm thân thể trong năm học 2019-2020, P khai do đã nói với bà L4 về việc không mua bảo hiểm trong năm học này, nên không thu tiền của các giáo viên; quá trình điều tra cũng không thu thập

được thông tin, tài liệu phản ánh việc P thu tiền mua bảo hiểm thân thể của các giáo viên nên không có căn cứ chứng minh P chiếm đoạt.

[12] Đối với bà Nguyễn Thanh M, giáo viên kiêm thủ quỹ của Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2: Do được P chỉ đạo, nên bà M giúp nhận tiền thủ quỹ xã hội hóa giáo dục từ các giáo viên chủ nhiệm và chi tiền theo yêu cầu của bị cáo; tòa bộ việc thu chi, bà M không lập phiếu mà chỉ ghi chép sổ sách để theo dõi, không tham mưu thanh quyết toán tiền quỹ hàng năm. Qua quá trình xác minh bà M không được bàn bạc với bị cáo P trong việc sử dụng số tiền từ quỹ xã hội hóa giáo dục và không được hưởng lợi gì, do đó không đủ căn cứ chứng minh bà M đồng phạm với bị cáo. Tuy nhiên, việc làm trên của bà M có dấu hiệu thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, nhưng do hậu quả thiệt hại chưa đủ yếu tố cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự, nên Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện S, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TT2 xem xét, kiểm điểm và xử lý trách nhiệm theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền xã hội hóa giáo dục hàng năm còn tồn trên sổ sách theo dõi của bà Mai, lũy kế đến hết năm học 2019-2020 là 123.270.500 đồng, nhưng thực tế đã chi hết số tiền trên như thanh toán tiền Smas 10.980.000đ, tiền điện 44.550.000đ (có chứng từ thanh toán, nhưng bà M chưa cập nhật vào sổ theo dõi), trong đó có 67.735.500 đồng do bị cáo P chỉ đạo bà M ứng quỹ xã hội hóa giáo dục để chi cho hoạt động thường xuyên của Nhà trường. Quá trình điều tra xác định, do kinh phí chi thường xuyên của Trường có khó khăn, nên hàng năm đã ứng chi từ quỹ xã hội hóa giáo dục số tiền trên (việc ứng chi số tiền này do bà M không cập nhật theo dõi chi tiết, không báo cho kế toán của Trường biết, nên không xác định được cụ thể từng mục chi, thời gian chi); việc bị cáo P chỉ đạo sử dụng số tiền trên là sai mục đích, không có căn cứ chứng minh bị cáo P và bà M chiếm đoạt số tiền trên, do đó cần phải yêu cầu Nhà trường có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền 67.735.500đ cho quỹ xã hội hóa giáo dục của Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Vũ Cảnh P** phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Cảnh P **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/02/2021.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Buộc bị cáo Vũ Cảnh P phải trả lại cho quỹ xã hội hóa giáo dục Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2 số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 17.195.000đ (Mười bảy triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng), khoản tiền trên được mẹ bị cáo (bà Lê Thị Đ) nộp thay bị cáo theo biên lai số 0004104 ngày 01/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Giao cho ông Đỗ Đại H4, chức vụ Phó hiệu trưởng, là người đại diện theo pháp luật của Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nhận khoản tiền trên để phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, sử dụng đúng mục đích.

- Ghi nhận bị cáo đã khắc phục xong số tiền xã hội hóa giáo dục đã chiếm đoạt là 17.195.000đ (Mười bảy triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm hoàn trả số tiền 67.735.500đ (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) vào quỹ xã hội hóa giáo dục của Nhà trường để phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, sử dụng đúng mục đích.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Vũ Cảnh P các đồ vật sau:

+ 01 bì niêm phong dán kín, mặt trước bì ghi “Vụ 289/2021”, mặt sau bì tại mép dán có chữ ký họ tên Nguyễn Sơn Đ3 và đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang (đặc điểm, khối lượng các vật chứng trên được miêu tả như trong Biên bản đóng gói niêm phong, kết luận giám định số 289 ngày 24/3/2021) có ghi 01(một) Điện thoại di động.

+ 01 quyển sổ tay bìa da màu đen, góc trên bên phải bìa trước có in dòng chữ màu vàng “Crganon A4”; có tổng số 112 tờ không kể bìa; tại mặt sau tờ số 07, hai mặt tờ số 08, 09, mặt trước tờ 10, hai mặt tờ 11, 12, 13, 14, mặt trước tờ 15, mặt sau tờ 110, hai mặt tờ 111, mặt trước tờ 112 có viết nhiều chữ viết và số bằng mực màu xanh. Các trang có viết chữ và số có chữ ký xác nhận của Vũ Cảnh P.

+ 01 quyển sổ tay bìa bọc da màu nâu đen, tổng số có 194 tờ, không kể bìa; bên trong có 54 tờ đã được sử dụng viết chữ và số. Cơ quan điều tra đã đánh số thứ tự từ 01 đến số 54 và có chữ ký của Vũ Cảnh P xác nhận trên các tờ đã đánh số. Các trang còn lại chưa sử dụng.

- Trả lại cho Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang các đồ vật, tài liệu sau:

+ 01 (một) hộp cát tông được niêm phong dán kín, trên các mép dán của của hộp có chữ ký của ông Nguyễn Sơn Đ3 - Giám định viên và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang (đặc điểm các vật chứng trên được miêu tả như trong Biên bản đóng gói niêm phong, Kết luận giám định số 290 ngày 19/3/2021 có ghi 01 (Một) Laptop nhãn hiệu ASUS, 01 (Một) thiết bị USB thu phát tín hiệu Wifi TP-LINK...)

+ 01 (Một) Case (cây) máy tính màu đen, đã qua sử dụng được dán niêm phong xung quanh, trên giấy niêm phong có chữ ký họ tên Nguyễn Sơn Đông và đóng dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. (đặc điểm các vật chứng trên được miêu tả như trong Biên bản đóng gói niêm phong, Kết luận giám định số 290 ngày 19/3/2021 có ghi 01 (Một) Case (cây) máy tính màu đen, kèm theo 01 ổ cứng nhãn hiệu TOSHIBA)

+ 01 quyển sổ tay bìa da màu đen, góc trên bên phải bìa trước có in dòng chữ màu vàng “Crganon A4”, ở giữa, bìa ngoài, trước sổ có dán giấy in chữ “Trường TH&THCS Thanh Phat - Biên bản họp BD DCMHS và họp PHHS”; tổng số có 112 tờ, không kể bìa; bên trong đánh số thứ tự từ tờ số 01 đến 18; trong đó từ tờ đánh số 03 đến tờ đánh số 17 đã được viết các Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh, họp phụ huynh các năm học từ 2016 đến 2020. Các trang còn lại chưa sử dụng.

+ 01 quyển vở học sinh có 40 tờ (tính cả bìa); bìa ngoài phía trước có hình ảnh Cây Đa Tân Tr và có in “Phòng GD&ĐT huyện S”; “Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TP”; nhãn vở có ghi chữ “Thu- chi; 2017 - 2018”.

+ 01 quyển vở học sinh có 38 tờ (tính cả bìa); bìa ngoài phía trước có hình ảnh Cây Đa Tân Tr và có in “Phòng GD&ĐT huyện S”; “Trường Tiểu học&Trung học cơ sở TP”; nhãn vở có ghi “Thu- nộp XHH; 2018 - 2019”.

+ 01 quyển vở học sinh có 38 tờ (tính cả bìa); bìa ngoài phía trước có hình ảnh khuôn viên một Trường học và có in “Phòng GD&ĐT huyện S”; “Trường Tiểu học và Trung học cơ sở TP”; nhãn vở có ghi chữ “Sổ Thu- chi XHH; 2019 - 2020”.

+ 01 quyển sổ có bìa ngoài màu xanh, ngoài bìa ghi “Thu nộp của học sinh năm học 2016 - 2017” gồm 24 trang có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 24, trên mỗi trang có chữ, số đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Thanh M.

+ 01 quyển sổ có bìa ngoài màu xanh, ngoài bìa có ghi “Sổ chi XHH 2016 - 2017” gồm 09 trang có chữ và số được đánh số thứ tự từ 02 đến 09, phía trên đầu mỗi trang đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Thanh M.

+ 01 quyển sổ bìa đen ngoài có dán giấy có nội dung đánh máy “TRƯỜNG TH & THCS TP SỔ BIÊN BẢN HỌP PHỤ HUYNH HỌC SINH NĂM 2016-2017”, kiểm tra quyển sổ có 13 tờ có chữ và số được đánh số từ 1-13.

+ 01 quyển sổ bìa đen, kiểm tra quyển sổ có 126 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 1 đến 126.

+ 01 quyển phiếu thu theo mẫu số C30-BB (Ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) có 18 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 18, có chữ ký của Vũ Cảnh P từng trang.

+ 01 quyển phiếu chi theo mẫu số 02-VT, bên trong là phiếu chi theo mẫu số C31-BB ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính gồm có 26 tờ có chữ và số được đánh thứ tự từ 01 đến 26, có chữ ký của P mỗi trang.

+ 01 quyển phiếu chi, bên trong là phiếu chi theo mẫu số C30-BB ban hành theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính gồm có 06 tờ có chữ và số được đánh thứ tự từ 01 đến 06, có chữ ký của P mỗi trang.

+ 01 quyển sổ bìa màu đỏ, bên ngoài có chữ Sổ nghị quyết, có 30 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 30, có chữ ký của P mỗi trang.

+ 01 quyển sổ bìa màu đen, có 99 tờ có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 99 có chữ ký của P ở trang ngoài cùng.

+ 01 quyển sổ bên ngoài có ghi chữ “TH&THCS TP SỔ THU CHI (HPHHS)” có 03 trang có chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 03, có chữ ký của P ở từng trang.

+ 01 quyển sổ bìa màu xanh lá mạ có viết chữ “Sổ thu - Chi từ NSNN” trong có 19 tờ viết chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 19, trên các trang có chữ ký của Nguyễn Thị Thanh M.

+ 01 quyển sổ không có bìa, có 82 tờ đã được ghi chép chữ và số, được đánh số từ 01 đến 82, trên mỗi trang có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Thanh M.

+ 01 quyển sổ bìa màu xanh lá mạ có nhiều hình, chữ viết 320tr khổ A4, bên trong có 51 trang đã viết chữ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 51.

Lưu theo hồ sơ vụ án: 02 USB nhãn hiệu ScanDisk trong đó có 01 chiếc có dung lượng 32GB và 01 chiếc có dung lượng 64GB (trong các file dữ liệu điện tử thu được khi giám định máy tính, laptop, điện thoại thu giữ của P).

(Số vật chứng trả lại cho bị cáo và Nhà trường như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 14/9/2021 và số tài liệu là các sổ sách trả lại cho Trường Tiểu học & Trung học cơ sở TT2, xã TT, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang sẽ bàn giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để trả lại theo quy định của pháp luật).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Cảnh P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ghi nhận bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm, số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số 004104 ngày 01/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/9/2021. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Q (CQCSĐT, Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo; bị hại; người ĐDHP cho bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn